

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính được sửa đổi,
bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành
nông nghiệp và môi trường áp dụng tại UBND cấp xã
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại văn bản số 1830/SNNMT-TCCB ngày 20/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ 01 (một) thủ tục hành chính (TTHC) được ban hành mới lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp và Môi trường áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh căn cứ các TTHC ban hành kèm theo Quyết định này trong

thời hạn 03 ngày làm việc công khai, địa phương hóa các TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (csdl.dichvucong.gov.vn); xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành Nông nghiệp và Môi trường (motcuannmt.mae.gov.vn) để áp dụng thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các sở: NN&MT, KH&CN;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, HCC₃.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Huy Thành

DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỐI BAN HÀNH LĨNH VỰC THỦY SẢN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch UBND cấp xã)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

PHẦN II: NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ TTHC

1. Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch UBND cấp xã)

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.TS.X.06
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: 1. Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Địa điểm xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản phải tuân thủ quy định về sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật; b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với đối tượng và hình thức nuôi: - Cơ sở vật chất: + Nơi chứa chất thải phải riêng biệt với nơi chứa, nơi xử lý thủy sản chết và tách biệt với khu vực nuôi, không làm ảnh hưởng đến môi trường; + Trường hợp cơ sở nuôi trồng thủy sản có khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu phải bảo đảm yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, nhà cung cấp; cơ sở nuôi trồng thủy sản có khu sinh hoạt, vệ sinh phải bảo đảm nước thải, chất thải sinh hoạt không làm ảnh hưởng đến khu vực nuôi; + Đối với nuôi trồng thủy sản trong ao (đầm/hàm), bể: Bờ ao (đầm/hàm), bể làm bằng vật liệu không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại cho thủy sản nuôi, không rò rỉ nước. Trường hợp cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh phải có hệ thống xử lý nước cấp, nước thải riêng biệt; nơi chứa bùn thải phù hợp; + Đối với nuôi trồng thủy sản bằng lồng bè, đăng quảng (sau đây được gọi là nuôi lồng bè): Khung lồng, phao, lưới, đăng quảng, giá thể phải làm bằng vật liệu không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại cho thủy sản nuôi và không để thủy sản nuôi sống thoát ra môi trường; có thiết bị cảnh báo cho hoạt động giao thông thủy. - Trang thiết bị sử dụng trong nuôi trồng thủy sản phải làm bằng vật liệu không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại đối với thủy sản nuôi. c) Đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thú y và an toàn lao động; d) Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm; đ) Phải đăng ký đối với hình thức nuôi trồng thủy sản lồng bè và đối tượng thủy sản nuôi chủ lực. 2. Cơ sở nuôi trồng thủy sản dùng làm cảnh, giải trí, mỹ nghệ, mỹ phẩm phải tuân theo quy định tại các điểm a, b, c và d mục 1 3. Đề nghị cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực khi thuộc một trong các trường hợp sau: a) Thay đổi, bổ sung thông tin của chủ cơ sở nuôi;	

	b) Thay đổi quy mô sản xuất, đối tượng nuôi; c) Di chuyển lồng bè nuôi từ địa phương này sang địa phương khác. Trường hợp cấp lại Giấy xác nhận di chuyển lồng bè nuôi, tổ chức, cá nhân phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã cấp Giấy xác nhận trước đó để cập nhật và quản lý		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:		
	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn .		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
*	Hồ sơ đề nghị cấp Giấy bao gồm:		
-	Đơn đề nghị cấp theo biểu mẫu BM.TS.X.06.01	x	
-	Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở	x	
*	Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy bao gồm:		
-	Đơn đề nghị cấp lại theo biểu mẫu BM.TS.X.06.01	x	
-	Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở (đối với trường hợp thay đổi quy mô sản xuất); trường hợp thay đổi chủ cơ sở phải có giấy tờ chứng minh sự thay đổi.	x	
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, trường hợp yêu cầu bản sao thì kèm theo bản gốc để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, trường hợp yêu cầu bản sao thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. + Nếu nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ được xác định là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.		
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		
2.5	Thời hạn giải quyết:		

	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.			
2.7	Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Không.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp giấy xác nhận			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Tiếp nhận trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của TTPVHCC cấp xã hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Bộ phận TN&TKQ	giờ hành chính	Mẫu 01,02, 03 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ về UBND cấp xã	Bộ phận TN&TKQ	0,25 ngày làm việc	Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Chuyển phòng chuyên môn nông nghiệp và môi trường cấp xã (gọi tắt là phòng chuyên môn cấp xã) xử lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,25 ngày làm việc	Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo
B4	Chuyển hồ sơ đến công chức phụ trách thực hiện	Lãnh đạo phòng chuyên	0,25 ngày làm việc	Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo

		môn		
B5	Xem xét, thẩm định hồ sơ: Căn cứ quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về phát triển nuôi trồng thủy sản tại địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và quy định khác có liên quan để thẩm định, cấp Giấy xác nhận + Nếu hồ sơ đạt yêu cầu thì Dự thảo Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy. + Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu thì dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy.	Công chức phòng chuyên môn cấp xã,	03 ngày làm việc	Mẫu 05; Dự thảo Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực hoặc dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp/cấp lại Giấy xác nhận
B6	Xem xét, ký nháy dự thảo của cán bộ công chức giao xử lý tại Bước 5	Lãnh đạo phòng chuyên môn cấp xã	0,5 ngày làm việc	Mẫu 05; Dự thảo Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực hoặc dự thảo Văn bản thông báo lý do từ chối cấp/cấp lại Giấy xác nhận đã ký nháy (kèm theo hồ sơ).
B7	Xem xét, ký duyệt Dự thảo kết quả thực hiện TTHC của phòng chuyên môn cấp xã	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Mẫu 05; Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp /cấp lại giấy xác nhận đã ký duyệt (kèm theo hồ sơ).
B8	Phát hành Văn bản và Chuyển kết quả TTHC cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Văn thư UBND cấp xã	0,25 ngày làm việc	Mẫu 05, 06 Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực

				hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp /cấp lại giấy xác nhận (kèm theo hồ sơ).
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức TN&TKQ; tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06 và Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp /cấp lại giấy xác nhận
	* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả theo mẫu 04 và chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để gửi cho tổ chức, cá nhân.			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	 Mẫu 01.docx Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả		
	Mẫu 02	 Mẫu 02.docx Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ		
	Mẫu 03	 Mẫu 03.docx Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ		
	Mẫu 04	 Mẫu 04.docx Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả		
	Mẫu 05	 Mẫu 05.docx Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ		
	Mẫu 06	 Mẫu 06.docx Sổ theo dõi hồ sơ		
	BM.TS.X.06.01	Đơn đề nghị cấp Giấy theo biểu mẫu BM.TS.X.06.01		

		 BM.TS.X.06.01.docx
	BM.TS.X.06.02	Đơn đề nghị cấp lại Giấy theo biểu mẫu BM.TS.X.06.02  BM.TS.X.06.02.docx
	BM.TS.X.06.03	Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực BM.TS.X.06.03  BM.TS.X.06.03.docx
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Các mẫu phiếu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ TTHC.	
-	01 bộ hồ sơ theo mục 2.3.	
	Biên bản kiểm tra (nếu có)	
-	Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực hoặc Văn bản thông báo lý do từ chối cấp /cấp lại giấy xác nhận	
Hồ sơ được lưu tại phòng chuyên môn của UBND cấp xã, thời gian lưu: 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành./.		